



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 02623.859776; 02623.859807 Fax: 02623.858921

Email: [congtyvneco8@gmail.com](mailto:congtyvneco8@gmail.com); Website: <http://vneco8.com.vn>



*Buôn Ma Thuột, ngày 05 tháng 5 năm 2020*

### THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- 1. Thời gian:** 8 giờ 00 phút, thứ sáu, ngày 22 tháng 5 năm 2020.
- 2. Địa điểm:** 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- 3. Thành phần tham dự:** Tất cả cổ đông sở hữu cổ phiếu VE8 theo danh sách chốt ngày 03/4/2020 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**4. Nội dung:**

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020;
- Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019;
- Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán;
- Báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2019 của Ban kiểm soát;
- Chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2020;
- Bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**5. Tài liệu:** Tài liệu của cuộc họp đăng tải trên Website: [www.vneco8.com.vn](http://www.vneco8.com.vn)

**6. Các vấn đề khác:**

- Để thuận tiện cho công tác tổ chức, đề nghị Quý Cổ đông xác nhận tham dự hoặc gửi giấy uỷ quyền tham dự về Văn phòng Công ty, số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, số điện thoại: 02623.815336, fax: 02623.858921 trước 16h00 ngày 20/5/2020. Mọi thông tin chưa rõ, Quý Cổ đông liên hệ ông Nguyễn Tráng Sỹ - Phụ trách công bố thông tin, điện thoại: 0905198805.

- Khi đến dự họp, Quý Cổ đông vui lòng mang theo CMND hoặc hộ chiếu (cổ đông thể nhân); Giấy ĐKKD (cổ đông pháp nhân) và Giấy uỷ quyền (nếu là người được uỷ quyền).

- Đối với cổ đông đăng ký địa chỉ không đầy đủ hoặc chưa chính xác hay vì bất cứ lý do nào khác mà không nhận được thư mời họp, thông báo này thay cho thư mời. Nhận được thông báo này, kính đề nghị Quý Cổ đông xác nhận việc tham dự hoặc uỷ quyền tham dự.

Trân trọng thông báo!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



LÊ VĂN KHÔI



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: 10 Đào Duy Từ, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Điện thoại: 02623.859776; 859807 Fax: 02623.858921

Email: [congtyvneco8@gmail.com](mailto:congtyvneco8@gmail.com); Website: <http://vneco8.com.vn>



**CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8**

**Thời gian:** Từ 8h00 đến 11h30 , , ngày tháng 05 năm 2020.

**Địa điểm:** 10 Đào Duy Từ, phường Thống Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

| Thời gian   | Nội dung (Dự kiến)                                                                                                               |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7h30-8h00   | - Đón tiếp đại biểu, đăng ký cổ đông dự họp, cổ đông nhận tài liệu                                                               |
| 8h00-8h30   | - Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông dự họp                                                                                |
|             | - Giới thiệu đại biểu, chủ tọa                                                                                                   |
|             | - Chỉ định Ban thư ký                                                                                                            |
|             | - Thông qua thành phần Ban kiểm phiếu ( <i>lấy ý kiến biểu quyết</i> )                                                           |
|             | - Thông qua quy chế làm việc tại cuộc họp ( <i>lấy ý kiến biểu quyết</i> )                                                       |
| 8h30-9h30   | - Thông qua chương trình họp Đại hội đồng cổ đông ( <i>lấy ý kiến biểu quyết</i> )                                               |
|             | - Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả SXKD năm 2019, kế hoạch năm 2020                                                           |
|             | - Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý năm 2019                                                                     |
|             | - Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán                                                                                        |
|             | - Báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2019 của Ban kiểm soát                                                                         |
|             | - Tờ trình của Ban kiểm soát đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2020 |
| 9h30-10h45  | - Tờ trình đề xuất mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020                                                       |
|             | - Cổ đông thảo luận                                                                                                              |
|             | - Hướng dẫn thể lệ biểu quyết các vấn đề cuộc họp                                                                                |
|             | - Cổ đông biểu quyết các báo cáo và các tờ trình                                                                                 |
| 10h45-11h00 | - Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025                                                                        |
|             | - Nghỉ giải lao                                                                                                                  |
| 11h00-11h20 | - Công bố kết quả bầu cử                                                                                                         |
|             | - Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề cuộc họp                                                                      |
| 11h20-11h30 | - Thông qua Biên bản cuộc họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020                                                           |
|             | - Bế mạc                                                                                                                         |

**BAN TỔ CHỨC**



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 02623.859776; 02623.859807 Fax: 02623.858921

Email: congtyvneco8@gmail.com; Website: http://vneco8.com.vn



....., ngày ..... tháng 5 năm 2020

### **GIẤY XÁC NHẬN/ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

#### **Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cp xây dựng điện VNECO 8**

Tên cá nhân/Tổ chức: .....

Là cổ đông Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8

Số ĐKSH: ..... Ngày cấp: ..... Tại: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: .....

Tổng số cổ phần sở hữu tại danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán (thực hiện quyền bỏ phiếu) của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 03 tháng 4 năm 2020 là: ..... cổ phần.

#### **Xác nhận:**

☐ Đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

☐ Không tham dự và ủy quyền cho Ông/Bà: .....

Số CMND: ..... Ngày cấp: ..... Tại: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại liên lạc: .....

Được quyền thay thế tôi/chúng tôi tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết thực hiện đúng quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 và quy định hiện hành của Pháp luật./.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI THAM DỰ/ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:** Để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tiến hành theo quy định, Quý Cổ đông không tham dự và chưa có người đại diện, có thể ủy quyền cho:

1. Ông Lê Văn Khôi - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Ông Nguyễn Công Diệu - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty;
3. Ông Trần Quang Cần - Thành viên Hội đồng quản trị.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8  
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

*Kính thưa Quý cổ đông!*

Trước hết, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO8, tôi xin kính chúc quý Cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Hôm nay, tôi xin báo cáo trước toàn thể cổ đông về tổng kết tình hình hoạt động quản trị Công ty nhiệm kỳ 2015 - 2020 và định hướng phát triển Công ty trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 nhằm đưa ra những định hướng trong hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty, đem lại lợi ích thiết thực cho Công ty và cho Cổ đông. Đây cũng là thời điểm để chúng ta nhìn nhận và tiếp tục điều chỉnh nhằm hoàn thiện hơn trong giai đoạn tới để Công ty ngày càng phát triển bền vững.

**PHẦN I**

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019  
VÀ NHIỆM KỲ 2015 -2020**

**I. TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019**

Năm 2019 cũng là năm còn có nhiều khó khăn thách thức, sự cạnh tranh khốc liệt trong công tác tìm kiếm việc làm, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng để thi công, vật tư A cấp còn chậm, chưa đồng bộ... ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của Công ty, doanh thu và thu nhập trong năm đạt thấp so với kế hoạch đề ra.

Một số chỉ tiêu chủ yếu đạt được trong năm qua như sau :

- Doanh thu và thu nhập: 65,48 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế : -2,52 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân : 7,82 triệu đồng/ người/ tháng.

Hoạt động SXKD năm 2019 của Công ty không đạt kết quả như mong đợi, tuy nhiên, với sự nắm bắt tình hình thực tế trong từng thời điểm HĐQT đã có những điều chỉnh kế hoạch cấp thiết để chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời cho Ban điều hành Công ty thực hiện sản xuất nên cũng đã đạt được doanh thu đáng kể, thu nhập của Người lao động được ổn định tạo lợi thế về năng lực cho hoạt động SXKD năm 2020 và những năm tiếp theo.

## **II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2015 - 2020**

### **1. Công tác nhân sự :**

**a.** Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 04 năm 2015 bầu Hội đồng quản trị của Công ty và Hội đồng quản trị họp phiên đầu tiên cùng ngày bầu các chức danh trong Hội đồng như sau :

- |                         |                        |
|-------------------------|------------------------|
| 1. Ông Ngô Văn Cường    | Chức vụ : Chủ tịch     |
| 2. Ông Nguyễn Công Diệu | Chức vụ : Phó Chủ tịch |
| 3. Ông Trần Quang Cần   | Chức vụ : Thành viên   |
| 4. Ông Lê Thúc Vũ       | Chức vụ : Thành viên   |
| 5. Ông Đỗ Chiến Thắng   | Chức vụ : Thành viên   |

**b.** Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 ngày 14/04/2017 miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Lê Thúc Vũ và ông Đỗ Chiến Thắng (có đơn xin từ nhiệm với lý do cá nhân), bầu ông Lê Văn Khôi vào thành viên HĐQT.

HĐQT gồm có :

- |                         |                        |
|-------------------------|------------------------|
| 1. Ông Ngô Văn Cường    | Chức vụ : Chủ tịch     |
| 2. Ông Nguyễn Công Diệu | Chức vụ : Phó Chủ tịch |
| 3. Ông Trần Quang Cần   | Chức vụ : Thành viên   |
| 4. Ông Lê Văn Khôi      | Chức vụ : Thành viên   |

**c.** Cuộc họp HĐQT ngày 08/08/2017 đồng ý đơn từ nhiệm của ông Ngô Văn Cường và bầu ông Lê Văn Khôi giữ chức danh Chủ tịch HĐQT.

Hiện nay HĐQT có 03 thành viên như sau :

- |                         |                        |
|-------------------------|------------------------|
| 1. Ông Lê Văn Khôi      | Chức vụ : Chủ tịch     |
| 2. Ông Nguyễn Công Diệu | Chức vụ : Phó Chủ tịch |
| 3. Ông Trần Quang Cần   | Chức vụ : Thành viên   |

Trong đó có 02 thành viên độc lập không tham gia điều hành trực tiếp tại Công ty.

### **2. Kết quả hoạt động SXKD nhiệm kỳ 2015 – 2020**

Trên cơ sở chiến lược và định hướng kế hoạch phát triển dài hạn 5 năm tại ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015 và đã được ĐHĐCĐ thông qua. Hội đồng quản trị đã hoạch định chiến lược phát triển Công ty tập trung vào những lĩnh vực quan trọng đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trên các lĩnh vực chính: Xây dựng điện; Sản xuất công nghiệp; Đầu tư đổi mới máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất làm trọng tâm và là nền móng cho sự phát triển.

Trong 5 năm qua, mặc dù có nhiều biến động về nhân sự lãnh đạo, kinh tế vĩ mô cũng chưa thực sự ổn định. nhưng Hội đồng quản trị đã Bám sát tình hình thực tế của Công ty cũng như nắm bắt tình hình kinh tế - xã hội của từng giai đoạn để đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc Công ty thực hiện nhiệm vụ SXKD của mình. Kết quả các mục tiêu đạt được qua các năm như sau:

- Doanh thu bình quân các năm là 75,61 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế bình quân các năm là 0,16 tỷ đồng

- Thu nhập bình quân các năm là 7,00 triệu đồng/người/tháng

*(Quý Cổ đông xem bảng chi tiết các năm kèm theo)*

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, HĐQT đã ban hành nhiều quy trình, quy chế nhằm đưa các hoạt động của Công ty đi vào nề nếp dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Trình ĐHĐCĐ chuẩn y sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành và tình hình hoạt động thực tiễn của Công ty;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế báo cáo, công bố thông tin theo quy định của Công ty đại chúng.

- Thực hiện chế độ chi tiêu minh bạch phù hợp với quy định của điều lệ Công ty;

- Tổ chức tốt các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo đúng qui định, thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua;

- Bổ nhiệm các vị trí trong ban điều hành sản xuất của Công ty và phê duyệt việc sắp xếp lại một số phòng ban chức năng trong Công ty cho phù hợp tính năng công việc.

Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, Công ty chưa hoàn thành một số mục tiêu nhiệm vụ đã được đề ra, đặc biệt về chỉ tiêu lợi nhuận chỉ bằng 14% so với cùng kỳ; chưa khai thác hiệu quả tài sản tại các khu đất mà Công ty đang có quyền sử dụng (*Số 9 Võ Văn Kiệt và tại Khu công nghiệp Tân Thắng*); chưa đa dạng hóa sản phẩm bê tông tại Nhà máy BTLT Đắk Nông; việc chiếm lĩnh thị phần, tìm kiếm thị trường mới trong khu vực cũng chịu sự cạnh tranh khốc liệt qua sự lớn mạnh của các nhà đầu tư khác; quy mô vốn đầu tư của Công ty đang còn hạn chế nên việc đầu tư các dự án không được thực hiện.

Mặc dù vậy, nhiệm kỳ qua cũng đã đạt được một số thành quả đáng kể : Doanh thu tăng hơn 200%, đời sống của Người lao động được đảm bảo, năng lực doanh nghiệp không ngừng được lớn mạnh tạo lợi thế lớn cho kế hoạch SXKD những năm tiếp theo.

## PHẦN II

### PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### NHIỆM KỲ 2020 -2025

##### **I. Kế hoạch hoạt động SXKD trong năm 2020:**

- Năm 2020, với khối lượng công việc đã ký hợp đồng là rất lớn, do đó cần bổ sung thêm lực lượng lao động, máy móc, công cụ dụng cụ chuyên ngành để đảm bảo thi công hoàn thành đúng tiến độ.

- củng cố, nâng cao các quy trình quản lý về an toàn, chất lượng, thanh quyết toán công trình, thực hành tiết kiệm giảm thiểu chi phí để hoạt động SXKD đạt kết quả cao.

- Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của năm 2020:

+ Doanh thu và thu nhập : 110,34 tỷ đồng;

+ Lợi nhuận sau thuế : 2,55 tỷ đồng;

+ Thu nhập bình quân : 8 triệu đồng/ người/tháng;

## **II Kế hoạch hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 :**

Thực hiện kế hoạch giai đoạn 2020- 2025 trong điều kiện nền kinh trong nước và toàn cầu bị tác động tiêu cực của Covid-19, tuy nhiên ngành điện vẫn duy trì được sự ổn định và phát triển, tạo ra nhiều thách thức cũng như cơ hội cho hoạt động SXKD của Công ty. Với tinh thần đó, HĐQT đặt ra các mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp như sau:

### **1. Mục tiêu nhiệm vụ:**

Phấn đấu đến năm 2025, Công ty sẽ là một trong những Công ty mạnh nhất trong tổ hợp VNECO, có uy tín trong ngành điện, tự thân tham gia vào các công trình đường dây có điện áp đến 220kV có giá trị và quy mô lớn; tham gia vào các lĩnh vực mới như : Thi công các dự án điện gió, điện năng lượng mặt trời, thi công cáp ngầm... và tiếp tục chiếm thị phần lớn trong lĩnh vực cung cấp cột BTLT và các sản phẩm bê tông khác trong khu vực, từng bước đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh để phát triển Công ty ngày một lớn mạnh và bền vững.

### **2. Các giải pháp**

#### **2.1. Định hướng đầu tư và phát triển**

- Tập trung củng cố phát triển mặt hàng truyền thống của Công ty, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, phát triển sản phẩm với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao.

- Nghiên cứu thị trường, sản phẩm nhằm đầu tư để khai thác hợp lý, hiệu quả tại các khu đất mà Công ty đang có quyền sở hữu, sử dụng.

- Phấn đấu trong 2 năm tới lợi nhuận thực hiện bù đắp được lỗ lũy kế hiện tại, nhằm đủ điều kiện để huy động tăng vốn điều lệ phục vụ cho hoạt động kinh doanh và đầu tư hiệu quả.

- Phấn đấu trong 5 năm tới đạt các chỉ tiêu như sau:

+ Vốn điều lệ : Tăng từ 18 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng

+ Doanh thu: Mức tăng trưởng đạt từ 15%/năm đến 20%/năm

+ Cổ tức : Sau hai năm nữa đạt tỷ lệ từ 10%/năm đến 15%/năm

#### **2.2. Công tác điều hành và quản trị Công ty:**

- HĐQT đặt yêu cầu và giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động theo kế hoạch đã được ĐHCĐ và HĐQT phê duyệt, phải tìm mọi biện pháp nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất.

- Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động với Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập, có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong hoạt động.

- Từng bước cấu trúc bộ máy Công ty theo hướng gọn nhẹ và tinh nhuệ phù hợp với xu hướng phát triển trong giai đoạn mới.

### 2.3. Công tác sử dụng vốn:

- Tăng cường hơn nữa công tác quản trị tài chính, tìm kiếm và khai thác các nguồn vốn với chi phí hợp lý, quản trị tốt công nợ, báo cáo định kỳ với các nội dung thông tin minh bạch, chính xác.

- Tiết kiệm trong chi tiêu, tối ưu hóa hiệu quả chi phí.

## 2.4. Các công tác khác:

- Tăng cường dân chủ thông qua tất cả các kênh chính quyền, tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên, phụ nữ để xây dựng Công ty đoàn kết, thống nhất; xây dựng văn hóa doanh nghiệp; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, vì mục tiêu phát triển doanh nghiệp và con người trong xã hội mới.

- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; coi trọng công tác thi đua khen thưởng với ý nghĩa là động lực quan trọng trong quá trình cống hiến và sáng tạo của mỗi con người trong tập thể Công ty.

Kính thưa quý Cô đồng !

5 năm xây dựng và phát triển đối với một Công ty chưa phải là khoảng thời gian dài, song chúng ta đã có những bước đi quan trọng để làm nền tảng vững chắc cho thời gian sắp tới. HĐQT tin tưởng ĐHĐCĐ sẽ thảo luận, thông qua định hướng phát triển trong giai đoạn tới; giao cho HĐQT nhiệm kỳ mới tiếp tục lãnh đạo, định hướng, giám sát chặt chẽ để các mục tiêu của chúng ta sớm trở thành hiện thực.

Trên đây là báo cáo về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020 và kế hoạch phát triển Công ty thời gian tới.

Một lần nữa, thay mặt Hội đồng Quản trị, Tôi kính chúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thành công tốt đẹp, chúc Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Khôi**

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

**(Nhiệm kỳ 2015 - 2020)**

[illegible]

## BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2019 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2020

### PHẦN THỨ NHẤT:

#### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

##### I. Một số kết quả đạt được trong năm 2019:

##### 1. Tổ chức thi công các công trình điện:

- Khối lượng công việc chuyển tiếp từ năm 2018 sang là 67,55 tỷ đồng, tiếp tục ký hợp đồng với Tổng Công ty và đã trúng thầu 15 công trình, trong đó 10 công trình đã được triển khai tạo điều kiện cho các tổ, đội có đủ việc làm trong năm 2019.
- Công tác điều hành quản lý sản xuất được chú trọng hơn, từ đó tiến độ được đẩy nhanh, chất lượng công trình được kiểm tra chặt chẽ.
- Đã hoàn thành đưa vào đóng điện 10 công trình lớn nhỏ (Theo phụ lục 02 đính kèm).
- Tích cực tìm kiếm, tham gia đấu thầu và trúng thầu 15 công trình với tổng giá trị 105,36 tỷ đồng, sản xuất công nghiệp 7,93 tỷ đồng và ký hợp đồng với Tổng Công ty là 16,50 tỷ đồng (Theo phụ lục 01 đính kèm).

##### 2. Một số chỉ tiêu tổng hợp thực hiện năm 2019:

| TT | Chỉ tiêu                       | ĐVT   | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | Tỷ lệ TH/KH |
|----|--------------------------------|-------|-------------------|--------------------|-------------|
| 1  | Tổng doanh thu, thu nhập khác  | Tỷ đ  | 96,15             | 65,48              | 68,10%      |
| 2  | Lợi nhuận sau thuế             | Tỷ đ  | 1,50              | -2,52              | -168,00%    |
| 3  | Vốn điều lệ                    | Tỷ đ  | 18,00             | 18,00              | 100%        |
| 4  | Thu nhập bình quân/người/tháng | Tr. đ | 7,40              | 7,82               | 105,68%     |

Trong năm 2019 tuy đã rất cố gắng trong hoạt động sản xuất nhưng doanh thu và lợi nhuận không đạt như kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do cạnh tranh đấu thầu tìm kiếm việc làm diễn ra gay gắt, muốn trúng thầu phải giảm giá xuống thấp; một số công trình vướng mắc đền bù kéo dài; các công trình cải tạo phải cắt điện nhiều lần đẩy chi phí tăng cao. Đặc biệt những công trình như:

- Công trình TBA 500kV Tân Uyên và đấu nối dự kiến doanh thu 6,244 tỷ đồng, LN gộp 1,453 tỷ đồng nhưng do vướng đền bù, thay đổi hướng tuyến nên không thực hiện được;

- ĐZ 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi phần lắp dựng cột dự kiến doanh thu 2,90 tỷ đồng, lợi nhuận gộp 0,44 tỷ đồng vướng quy hoạch khu du lịch Suối Voi, tiến độ cấp cột chậm nên chưa thể thi công trong năm;

- ĐZ đấu nối TBA 110kV Hòa Bình 2 dự kiến doanh thu 12,95 tỷ đồng, lợi nhuận gộp 1,31 tỷ đồng Chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng chỉ thi công được 17/61 vị trí móng;

- ĐZ 110kV Bà Rịa - Châu Đức dự kiến doanh thu 6,18 tỷ đồng, lợi nhuận gộp 0,54 tỷ đồng Chủ đầu tư chưa sắp xếp được lịch cắt điện để lắp dựng cột, kéo dây;

- ĐZ 110kV Long An - Tân Hương (trúng thầu trong năm) đã triển khai đúc cọc nhồi, ống pi móng giằng nhưng Chủ đầu tư cũng chưa thu xếp được thời gian cắt điện để thi công; ...

Những bất lợi đó và thêm những công trình được trúng thầu diễn ra vào thời điểm cuối năm nên cũng chưa triển khai thi công được làm cho doanh thu giảm so với kế hoạch đề ra. Việc bù lỗ cho công trình 220kV Di Linh - Bảo Lộc hơn 2,6 tỷ đồng dẫn đến kết quả SXKD năm 2019 lỗ 2,52 tỷ đồng.

## **II. Đánh giá công tác các mặt điều hành:**

Nhìn chung năm 2019 là một năm hoạt động SXKD của Công ty không đạt kết quả như mong đợi, nhưng với nỗ lực và tin thần luôn cố gắng đương đầu với khó khăn Công ty cũng đã đạt được một số thành quả nhất định. Đã thi công hoàn thành đóng điện được nhiều công trình cấp bách theo tiến độ yêu cầu của Chủ đầu tư. Tuy các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận không đạt theo kế hoạch nhưng đảm bảo có đủ việc làm để giữ được nguồn nhân lực gắn bó lâu dài với Công ty là điều rất quan trọng trong thời điểm hiện nay. Công trình 220kV Di Linh - Bảo Lộc tuy lỗ nặng nhưng với việc thi công hoàn thành đúng tiến độ, công trình có quy mô lớn giá trị cao nên đã tạo cho Công ty có thêm năng lực cần thiết để đấu thầu và trúng thầu những công trình lớn trong thời gian vừa qua.

### **1. Công tác thị trường tìm kiếm việc làm:**

Những năm vừa qua, Công ty đã thực hiện tương đối tốt công tác điều hành SXKD, sản lượng đem lại ngày càng cao, chất lượng và tiến độ công trình luôn đáp ứng yêu cầu của các Chủ đầu tư, tạo niềm tin tốt đối với các Chủ đầu tư và Tổng Công ty. Đã tích cực tham gia đấu thầu và trúng thầu một số công trình có giá trị lớn tạo đủ công ăn việc làm cho người lao động (*Theo phụ lục 01 đính kèm*).

Bên cạnh đó, Công ty chủ động trong việc tiếp cận các khách hàng nên trong năm đã ký một số hợp đồng sản xuất cột BTLT có tổng giá trị gần 8 tỷ đồng.

## **2. Công tác quản lý chất lượng, tiến độ thi công:**

Năm 2019 tiếp tục thực hiện các quy trình, quy phạm về quản lý chất lượng công trình, kiểm soát quá trình thi công từng hạng mục công việc của Tổng Công ty và của Công ty ban hành nên chất lượng công trình không ngừng được nâng cao có uy tín với Tổng Công ty và các Chủ đầu tư. Tiến độ thi công được kiểm soát tốt nên nhiều công trình đóng điện đúng tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư được Chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng và tiến độ công trình.

Công tác nghiệm thu khối lượng được theo dõi cập nhật thường xuyên, đơn đốc tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán công trình cũng được đáp ứng kịp thời.

## **3. Công tác Tài chính - Kế toán:**

### **a. Công tác vay, trả nợ gốc và lãi vay ngân hàng:**

- Tổng giá trị nợ vốn vay đầu năm : 22,874 tỷ đồng

Trong đó : + Nợ dài hạn : 0,367 tỷ đồng

+ Nợ ngắn hạn : 22,507 tỷ đồng

- Tổng giá trị phát sinh vốn vay trong năm : 40,549 tỷ đồng

Trong đó : + Nợ dài hạn : 0,640 tỷ đồng

+ Nợ ngắn hạn : 39,909 tỷ đồng

- Tổng giá trị trả nợ vốn vay trong năm : 42,799 tỷ đồng

Trong đó : + Nợ dài hạn : 0,436 tỷ đồng

+ Nợ ngắn hạn : 42,363 tỷ đồng

- Tổng giá trị dư nợ vốn vay cuối năm : 20,624 tỷ đồng

Trong đó : + Nợ dài hạn : 0,571 tỷ đồng

+ Nợ ngắn hạn : 20,053 tỷ đồng

### **b. Công tác thanh toán vốn các công trình với chủ đầu tư:**

Công tác thu hồi vốn thi công năm 2019 là khá tốt:

- Tổng giá trị phải thu đầu năm và phát sinh tăng trong năm là : 79,11 tỷ đồng (trong đó phát sinh tăng trong năm : 72,34 tỷ đồng).

- Tổng giá trị đã thu trong năm là : 73,35 tỷ đồng

- Giá trị các chủ đầu tư còn nợ cuối năm là : 5,76 tỷ đồng.

### **c. Công tác báo cáo tài chính:**

Công ty luôn thực hiện tốt, nghiêm túc công tác quản trị tài chính, lập báo cáo tài chính theo luật định. Báo cáo tài chính hằng quý, bán niên và cả năm được lập, kiểm toán và công bố thông tin đầy đủ cho UBCK Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, các cơ quan quản lý khác và Công ty mẹ.

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện 2 cuộc kiểm toán độc lập bao gồm kiểm toán bán niên và kiểm toán năm. Các cuộc kiểm toán đều đáp ứng đầy đủ số liệu, đảm bảo cho các kết luận được ban hành chính xác thực trạng tài chính của đơn vị

#### **4. Công tác đầu tư xây dựng:**

- Để tăng cường năng lực phục vụ thi công các công trình, trong năm công ty đã mua sắm bổ sung một số dụng cụ thi công như : Cáp môi, cáp lấy độ vông, cáp tăng hãm cột, bộ đàm... sửa chữa máy móc thiết bị, mua sắm một số dụng cụ phục vụ văn phòng. Trong thời gian tới tiếp tục mua sắm thêm để phục vụ thi công đáp ứng nhu cầu từ các công trình.

- Đầu tư mua sắm phương tiện phục vụ cán bộ đi công tác :

Được sự đồng ý của HĐQT, Công ty đã có hợp đồng mua 1 xe ô tô con 7 chỗ hiệu Fotuner có giá trị là 1,159 tỷ đồng (bao gồm thuế phí) để phục vụ cán bộ trong công ty đi công tác trên các công trình và các đối tác, khách hàng.

#### **5. Công tác tổ chức nhân sự đào tạo:**

Thực hiện tốt công tác báo cáo, công bố thông tin và các nội dung khác theo yêu cầu của UBCK, sở GDCK Hà Nội.

Thực hiện tốt nội dung công việc về quản lý lao động - tiền lương đối với Công ty.

Tiếp tục triển khai thực hiện công tác quản trị doanh nghiệp theo định hướng chung của Tổng Công ty.

Công tác đào tạo luôn được quan tâm chú trọng, nhất là công tác kèm cặp, đào tạo tại chỗ, tổ chức tập huấn công tác kỹ thuật an toàn - VSLĐ nâng cao nhận thức trách nhiệm nghĩa vụ đối với đội ngũ công nhân, đào tạo cán bộ chuyên môn nghiệp vụ ở các lĩnh vực như: công tác kế toán, lập dự toán, đấu thầu, quản lý chất lượng công trình, quản lý sử dụng vật tư, thiết bị máy móc... các quy định của Bộ Luật Lao động, Luật quản lý thuế, Luật BHXH... nhằm thực hiện tốt các quy định của pháp luật trong hoạt động SXKD của Công ty.

Theo dõi cập nhật số liệu về tình hình tổ chức; trình độ chuyên môn CBCNV, đội ngũ CNKT kịp thời cho công tác xây dựng hồ sơ năng lực để phục vụ công tác đấu thầu.

Thực hiện tốt công tác BHXH, BHYT, BHTN năm 2019 theo quy định của pháp luật.

Triển khai thực hiện tốt phương án bảo vệ an ninh trật tự, an toàn tại cơ quan Công ty và trên các công trình thi công; triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ Quốc phòng - dân quân tự vệ địa phương năm 2019.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020**

#### **I. Đặc điểm tình hình:**

##### **1. Thuận lợi:**

- Khối lượng dự kiến thi công trong năm 2020 được chuyển tiếp từ cuối năm 2019 và đã trúng thầu đầu năm 2020 như: TBA 500kV Tân Uyên và đấu nối, ĐZ 500kV Quảng Trạch – Dốc Sỏi, ĐZ 110kV Lương Sơn – Hòa Thắng – Mũi Né, ĐZ110kV Bà Rịa –

Châu Đức, ĐZ 110kV Long An – Tân Hương, Phan Thiết 2 – Mũi Né, TBA 110kV Định Quán 2 ... hơn 110 tỷ đồng (Theo Phụ lục 03 đính kèm).

- Là một trong những Công ty có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp các công trình điện, có đội ngũ công nhân giàu kinh nghiệm, có khả năng thi công các công trình đòi hỏi tiến độ theo qui mô, địa hình phù hợp yêu cầu chủ đầu tư.

- Ngành điện vẫn duy trì tốc độ phát triển, tuy nhiên các công trình qui mô lớn nay đã giảm dần để chia làm nhiều gói thầu nhỏ hơn tiện cho việc triển khai thi công, đây là cơ hội để các Công ty có quy mô vừa như chúng ta tham gia đấu thầu tạo doanh thu.

## **2. Khó khăn:**

- Hiện nay, trên thị trường xây lắp thêm nhiều doanh nghiệp có năng lực thi công nên công tác đấu thầu cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nhà thầu; Tổng mức đầu tư của các công trình được lập theo định mức XDCB mới có đơn giá thấp hơn nhiều so với trước đây (cùng qui mô công trình), các Nhà thầu phải giảm giá sâu mới có hy vọng trúng thầu là khó khăn lớn nhất hiện nay trong việc tìm kiếm việc làm.

- Các công trình thường đi qua nhiều địa phương, rất khó khăn trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng từ đó ảnh hưởng đến tiến độ và làm tăng chi phí.

- Công tác cung cấp vật tư, thiết bị của Chủ đầu tư thường chậm, không đồng bộ, giá cả nguyên vật liệu, nhân công, đơn giá vận chuyển không ổn định.

- Những lĩnh vực mới chưa có năng lực kinh nghiệm nên khó tiếp cận.

## **II. Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2020:**

| TT | Chỉ tiêu                 | ĐVT   | Thực hiện năm 2019 | Kế hoạch năm 2020 |
|----|--------------------------|-------|--------------------|-------------------|
| 1  | Tổng doanh thu, thu nhập | Tỷ .đ | 65,48              | 110,34            |
| 2  | Lợi nhuận sau thuế       | Tỷ .đ | -2,52              | 2,55              |
| 3  | Thu nhập BQ người/tháng  | Tr.đ  | 7,82               | 8,00              |
| 4  | Vốn điều lệ              | Tỷ .đ | 18,00              | 18,00             |

(Theo Phụ lục 03 đính kèm)

## **III. Các giải pháp thực hiện:**

### **1. Về công tác điều hành:**

#### **a. Điều hành sản xuất:**

- Tập trung chỉ đạo thi công các công trình trọng điểm đảm bảo hoàn thành có chất lượng cao, kịp tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư và của Công ty mẹ giao.

- Mở rộng ngành nghề SXKD trong đó chú trọng gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp trên cơ sở tận dụng lợi thế về hạ tầng kỹ thuật hiện có.

- Tăng cường sức cạnh tranh để kiểm soát thị phần cung cấp sản phẩm cột BTLT của Công ty trong khu vực và từng bước mở rộng thị trường mới; Chú trọng trong công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về mẫu mã, nhãn mác và các quy định về kỹ thuật .. để tăng lòng tin của khách hàng.

- Tạo mối quan hệ tốt với các Chủ đầu tư, giữ mối đoàn kết với các đơn vị trong nội bộ thuộc tổ hợp VNECO, với các đơn vị bạn nhằm tạo thuận lợi trong việc đấu thầu tìm kiếm việc làm và hỗ trợ cho nhau thi công các công trình khi cần thiết.
- Không ngừng nâng cao năng lực đấu thầu, năng lực tiếp thị mở rộng thi trường

#### **b. Cơ chế quản lý điều hành:**

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, đánh giá năng lực CBNV, củng cố bộ máy quản lý, nhân sự Công ty; thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho CBCNV, kiến thức quản trị doanh nghiệp cho đội ngũ cán bộ chủ chốt đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Từng bước tiếp cận, xây dựng chương trình đào tạo và áp dụng đồng bộ cùng với Tổng Công ty các chương trình quản trị tiên tiến.

#### **2. Về công tác thị trường:**

- Tăng cường công tác đấu thầu đối với các chủ đầu tư truyền thống. Bên cạnh đó tìm kiếm các khách hàng mới, tích cực liên danh liên kết tham gia đấu thầu các lĩnh vực mới như cáp ngầm, điện chiếu sáng, điện mặt trời, điện gió, sản xuất công nghiệp...
- Cần tăng cường năng lực kinh nghiệm (xác nhận năng lực kinh nghiệm của Chủ đầu tư), đầu tư con người, máy móc thiết bị để đáp ứng được yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

#### **3. Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình:**

Nhằm tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và giám sát chất lượng công trình, bám sát quy trình quản lý chất lượng của Tổng Công ty và của đơn vị về kỹ thuật thi công, an toàn lao động ...; tăng cường công tác nghiệm thu nội bộ giảm thiểu những sai sót do chủ quan gây ra.

Tích cực cập nhật tiến độ thi công hàng tuần, bố trí cán bộ kỹ thuật phối hợp với các Tổ, Đội chuẩn bị trước hồ sơ nghiệm thu để khi triển khai nghiệm thu sẽ tổ chức nghiệm thu ngoài hiện trường song song với hoàn thiện hồ sơ để rút ngắn thời gian thu hồi vốn.

Công tác an toàn, bảo hộ lao động phải xem là nhiệm vụ hàng đầu không để xảy ra vi phạm trong quá trình thi công.

Công tác quản lý vật tư trên các công trình cũng phải được chặt chẽ hơn nhằm giảm tối thiểu thất thoát, đảm bảo vật tư, công cụ dụng cụ cung cấp kịp thời cho các Tổ, Đội thi công.

#### **4. Về công tác tài chính - kế toán:**

Cần phối hợp chặt chẽ giữa nghiệm thu, lập phiếu giá và tích cực hơn trong việc tiếp cận, đơn đốc trong việc thu hồi vốn.

Tìm kiếm, sử dụng và cơ cấu lại các nguồn vốn hợp lý nhằm sử dụng được các nguồn vốn rẻ hơn, tăng hiệu quả trong các hoạt động tài chính góp phần tăng hiệu quả kinh doanh cho Công ty;

Tiếp tục sửa đổi các Quy định về tài chính phù hợp với điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

## 5. Công tác tổ chức nhân sự:

Năm 2020 căn cứ vào kế hoạch SXKD của Công ty cần củng cố lại đội ngũ lao động đủ mạnh để đáp ứng nhu cầu thực hiện công việc.

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức trong quản trị điều hành trên cơ sở quy định của pháp luật, phù hợp với tổ chức hoạt động của Công ty.

Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách tiền lương, chế độ BHXH, BHYT, BHTN đối với người lao động, đồng thời đẩy mạnh văn hóa doanh nghiệp nhằm tạo động lực và môi trường làm việc tốt cho cán bộ, nhân viên.

Luôn quan tâm nghiên cứu bổ sung, sửa đổi chính sách tiền lương, thang bảng lương của doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty và người lao động, kịp thời động viên khuyến khích người lao động tận tâm, tận lực ra sức phấn đấu tăng năng suất lao động.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020./.

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



**NGUYỄN CÔNG ĐIỀU**

## BẢNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH TRÚNG THẦU ( HOẶC CHỈ ĐỊNH THẦU) NĂM 2019

Phụ lục : 01

| TT       | Tên công trình                                                                                                                                                                                                                                             | Chủ đầu tư                       | Giá trị hợp đồng cả VAT ( đồng) | Quy mô công trình                                                                 | Thời gian thực hiện từ ngày, tháng --- đến ngày, tháng. |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>Xây lắp</b>                                                                                                                                                                                                                                             |                                  |                                 |                                                                                   |                                                         |
| 1        | ĐZ 500kV Sông mây - Tân Uyên                                                                                                                                                                                                                               | Ban QLDA các công trình điện MN  | 4,798,123,000                   | 3,6 km (3 mạch bao gồm 2 mạch 500kV và 01 mạch 220kV)                             | Từ tháng 4 đến tháng 7/2019                             |
| 2        | ĐZ 220kV Hải Dương - Phố Nối                                                                                                                                                                                                                               | Ban QLDA các công trình điện MB  | 1,762,072,793                   | 7 VT móng                                                                         | Từ tháng 12/2019 đến 2020                               |
| 3        | Nhà máy điện mặt trời điện lực miền Trung                                                                                                                                                                                                                  | Tổng công ty điện lực miền Trung | 2,175,213,196                   |                                                                                   | Từ tháng 4 đến tháng 12/2019                            |
| 4        | Gói thầu 04: Xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt thiết bị.<br>Dự án: Lắp máy biến áp số 2 tại trạm biến áp 220kV - NMTĐ Buôn Kuốp .                                                                                                                               | Công ty Thủy điện Buôn Kuốp      | 6,700,000,849                   | XD và Lắp MBA thứ 2 với công suất 125MVA                                          | Từ tháng 2 đến tháng 10/2019                            |
| 5        | CPC-KFW3.1-HB2-W02: Thi công xây dựng, thí nghiệm hiệu chỉnh đường dây 110kV và đường dây 22kV đầu nối sau TBA 110kV Hòa Bình 2<br>Dự án: Lưới điện hiệu quả tại các thành phố vừa và nhỏ vay vốn ODA của Chính Phủ Đức (Dự án thành phần 2, giai đoạn 1). | Tổng Công ty điện lực miền Trung | 17,803,320,935                  | <i>XDM ĐZ110kV 1 mạch dài 15,7km gồm 60VT và đường dây TT dài 3,4km</i>           | Từ tháng 03/19 đến năm 2020                             |
| 6        | Gói thầu số 4 Thi công xây lắp.<br>Dự án: TBA 110kV Định Quán 2 và đường dây đầu nối.                                                                                                                                                                      | Điện lực Đồng Nai                | 17,838,959,233                  | <i>TBA với công suất 40 MVA và 2 trụ đầu nối</i>                                  | Từ tháng 6/19 đến tháng 04/2020                         |
| 7        | Gói 10: Thi công xây lắp Công trình: Phân pha dây dẫn ĐD 110kV Long An -171 Tân Hương.                                                                                                                                                                     | Tổng công ty điện lực miền Nam   | 15,399,376,506                  | <i>Cải tạo ĐZ 110kV với tổng chiều dài 8,2km chiều dài tuyến và 86VT móng cột</i> | từ tháng 11/19 đến tháng 04/2020                        |

| TT       | Tên công trình                                                                                      | Chủ đầu tư                             | Giá trị hợp đồng cả VAT ( đồng) | Quy mô công trình                                                                              | Thời gian thực hiện từ ngày, tháng --- đến ngày, tháng. |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 8        | Gói thầu số 3: Sửa chữa hệ thống tiếp địa<br>Dự án: Sửa chữa lớn năm 2019                           | Truyền tải điện Đắk Lắk                | 482,666,041                     | 20VT                                                                                           | Hoàn thiện bàn giao 2019                                |
| 9        | Gói thầu số 2: Sửa chữa tiếp địa.<br>Dự án: Dự án: Sửa chữa lớn năm 2019.                           | Truyền tải điện Đắk Nông               | 1,051,462,344                   | 36VT                                                                                           | Hoàn thiện bàn giao 2019                                |
| 10       | Gói thầu số 2: Sửa chữa kê móng, mương thoát nước bảo vệ móng cột.<br>Dự án: Sửa chữa lớn năm 2019. | Truyền tải điện Đắk Nông               | 996,464,860                     | 2VT                                                                                            | Hoàn thiện bàn giao 2019                                |
| 11       | Gói thầu 03: Sửa chữa hệ thống tiếp địa<br>Dự án: Sửa chữa lớn năm 2019 -                           | Truyền tải điện Lâm Đồng               | 1,470,574,509                   | 94VT                                                                                           | Hoàn thiện bàn giao 2019                                |
| 12       | ĐZ 110 kV Lương Sơn - Hòa Thắng - Mũi Né                                                            | Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam | 5,811,000,000                   | XDM đường dây 2 mạch gồm 5VT móng; 8VT cột và kéo dây hoàn thiện đầu nối 1,2km chiều dài tuyến | từ tháng 1/2020 đến tháng 03/2020                       |
| 13       | ĐZ 110 kV Phan Thiết 2 - Mũi Né                                                                     | Ban QLDA điện lực miền Nam             | 14,617,000,000                  | <i>Cải tạo ĐZ 110kV với tổng chiều dài 24km chiều dài tuyến với tổng số 89VT móng cột</i>      | Từ tháng 1/2020 đến tháng 03/2020                       |
| 14       | NXT tại TBA 220kV Krông Buk và NXT tại TBA 220kV Nha Trang                                          | Ban QLDA các công trình điện MT        | 2,615,677,969                   | XDM 2 NXT                                                                                      | Từ tháng 5/2020 đến tháng 08/2020                       |
| 15       | ĐZ 110 kV Sông Cầu 2 - Quỳ Nhơn                                                                     | Ban QLDA Điện nông thôn miền Trung     | 26,385,208,000                  | <i>Cải tạo ĐZ 110kV với tổng chiều dài 13,2km chiều dài tuyến và 51VT móng cột</i>             | Từ tháng 2/2020 đến tháng 08/2020                       |
| <b>B</b> | <b>Sản xuất Công nghiệp</b>                                                                         |                                        |                                 |                                                                                                |                                                         |
| 1        | Cung cấp và gia công kết cấu thép                                                                   | Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam | 1,955,805,790                   | 102,2 tấn                                                                                      |                                                         |
| 2        | Sản xuất cột BTLT                                                                                   | Bán lẻ và các hợp đồng                 | 7,927,453,921                   | 2827 cột BTLT                                                                                  | 1/2019 - 12/2019                                        |

| TT | Tên công trình | Chủ đầu tư | Gía trị hợp đồng cả VAT ( đồng) | Quy mô công trình | Thời gian thực hiện từ ngày, tháng --- đến ngày, tháng. |
|----|----------------|------------|---------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------|
|    |                |            | 129,790,379,946                 |                   |                                                         |

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Buôn Ma Thuột , ngày      tháng 05 năm 2020

## **BẢNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH BÀN GIAO TRONG NĂM 2019**

**Phu lục : 02**

**Triệu đồng**

| TT       | Tên công trình                                                            | Quy mô công trình                                     | Giá trị hợp đồng (triệu đồng cả VAT) | Chủ đầu tư                             | Thời gian bàn giao công trình | Ghi chú |
|----------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------|---------|
| <b>I</b> | <b>Công trình Xây lắp đường dây và trạm biến áp</b>                       | <b>Số km, số mạch</b>                                 |                                      |                                        |                               |         |
| 1        | ĐZ500kV Sông Mây - Tân Uyên                                               | 3,6 km (3 mạch)                                       | 4,798.1                              | QLDA các công trình điện               | 27/08/2020                    |         |
| 2        | Nhà máy điện mặt trời điện lực miền Trung                                 | Làm nương cáp AC                                      | 2,175.2                              | Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam | 27/12/2019                    |         |
| 3        | Trạm 110kV điện mặt trời Cư Zút và đường dây đầu nối                      | MBA với công suất 63MVA và 1 vị trí trụ đầu nối       | 8,836.9                              | Công ty CP Thủy Điện miền Trung        | 27/06/2019                    |         |
| 4        | NXT TBA 110kV Cư Jut (Trúc Sơn)                                           | 01 NXT tại trạm 110kV Cư Jut                          | 2,622.5                              | Công ty CP NM Điện mặt trời Trúc Sơn   | 02/06/2019                    |         |
| 5        | DZ 110kV Krông Buk - Buôn Ma Thuột                                        | chiều dài tuyến 19,7km với tổng số 76 vị trí móng cột | 22,143.3                             | Ban QLDA lưới điện miền Trung          | 24/12/2019                    |         |
| 6        | Lắp máy 2 trạm biến áp 220kV Buôn Kuốp                                    | XD và Lắp MBA thứ 2 với công suất 125MVA              | 6,700.0                              | Công ty CP Thủy Điện Buôn Kuốp         | 18/10/2019                    |         |
| 7        | Gói thầu số 3: Sửa chữa hệ thống tiếp địa<br>Dự án: Sửa chữa lớn năm 2019 | 20VT                                                  | 482.7                                | Truyền tải điện Đắk Lắk                | 08/05/2019                    |         |
| 8        | Gói thầu số 1: Sửa chữa tiếp địa.<br>Dự án: Sửa chữa lớn năm 2019.        | 36VT                                                  | 1,051.5                              | Truyền tải điện Đắk Nông               | 27/05/2019                    |         |

| TT         | Tên công trình                                                                                          | Quy mô công trình | Giá trị hợp đồng (triệu đồng cả VAT) | Chủ đầu tư                   | Thời gian bàn giao công trình | Ghi chú |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|---------|
| 9          | Gói thầu số 3: Sửa chữa kè móng, mương thoát nước bảo vệ móng cột. Dự án: Dự án: Sửa chữa lớn năm 2019. | 2VT               | 996.5                                | Truyền tải điện Đắk Nông     | 19/05/2019                    |         |
| 10         | Gói thầu 03: Sửa chữa hệ thống tiếp địa<br>Dự án: Sửa chữa lớn năm 2019 -                               | 94VT              | 1,470.6                              | Truyền tải điện Lâm Đồng     | 22/07/2019                    |         |
|            |                                                                                                         |                   |                                      |                              |                               |         |
| <b>II</b>  | <b>Công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp</b>                                                        |                   |                                      |                              |                               |         |
| <b>1</b>   | Sản xuất cột BTLT                                                                                       | 2827 cột BTLT     | 7,927.5                              | ung cấp cho nhiều khách hàng | từ ngày 1/01 đến 31/12/2019   |         |
| <b>III</b> | <b>Công trình xây dựng khác</b>                                                                         |                   |                                      |                              |                               |         |
| <b>IV</b>  | <b><u>Tổng cộng :</u></b>                                                                               |                   | <b><u>51,277.2</u></b>               |                              |                               |         |

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



*(Handwritten signature in blue ink)*  
**NGUYỄN CÔNG ĐIỀU**

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Buôn Ma thuật, ngày tháng 05 năm 2020

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH DOANH THU NĂM 2020**Phụ lục : 03

ĐVT: triệu đồng

| TT         | Tên công trình                      | Tiến độ đơn vị thực hiện | Giá trị XL đơn vị thực hiện (trước thuế) | KẾ HOẠCH NĂM 2020  |                 |                |                  | Ghi chú                                                        |
|------------|-------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------|--------------------|-----------------|----------------|------------------|----------------------------------------------------------------|
|            |                                     |                          |                                          | Doanh thu năm 2020 | Giá Vốn         | Lãi gộp        | Tỷ lệ lãi gộp/DT |                                                                |
| <b>I</b>   | <b>CÔNG TRÌNH CỦA TỔNG CÔNG TY</b>  |                          | <b>88,304.9</b>                          | <b>46,948.2</b>    | <b>43,358.3</b> | <b>3,589.9</b> | <b>7.6%</b>      |                                                                |
| <b>I.1</b> | <b>ĐZ 500kV Long Phú - Ô Môn</b>    |                          |                                          |                    |                 |                |                  |                                                                |
|            | + QT công trình                     |                          | 238.4                                    | 238.4              | 258.0           | -19.6          | -8.2%            |                                                                |
|            | + QT kho bãi                        |                          | 111.4                                    | 111.4              | 153.0           | (41.6)         | -37.3%           |                                                                |
| <b>I.2</b> | <b>TBA 500kV Đức Hòa</b>            |                          |                                          |                    |                 |                |                  |                                                                |
|            | + Đào đúc móng                      | 2019                     | 1,011.9                                  | 41.2               | 41.2            | -              | 0.0%             | Khối lượng phát sinh phần di chuyển đất móng TN2 ra ngoài trạm |
|            | + Cung cấp & Lắp dựng cột           |                          | 1,338.7                                  |                    |                 |                |                  |                                                                |
|            | + TBA                               |                          | 1,093.3                                  |                    |                 |                |                  |                                                                |
| <b>I.3</b> | <b>ĐZ 500kV Sông Mỹ - Tân Uyên</b>  |                          | 4,361.9                                  | 31.0               | 30.0            | 1.0            | 3.1%             |                                                                |
| <b>I.4</b> | <b>ĐZ 220kV Cầu Bông - Bình Tân</b> |                          |                                          |                    |                 |                |                  |                                                                |
|            | + Lắp dựng cột                      | 2018                     |                                          |                    |                 |                |                  | T. Cty chưa giao                                               |
|            | + Kéo rải căng dây                  |                          |                                          |                    |                 |                |                  |                                                                |

| TT  | Tên công trình                               | Tiến độ đơn vị thực hiện | Giá trị XL đơn vị thực hiện (trước thuế) | KẾ HOẠCH NĂM 2020  |         |         |                  | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|----------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------|--------------------|---------|---------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                              |                          |                                          | Doanh thu năm 2020 | Giá Vốn | Lãi gộp | Tỷ lệ lãi gộp/DT |                                                                                                                                                                                                                                 |
|     | + Kho bãi ( cho tổng)                        |                          | 297.0                                    | 297.0              | 264.3   | 32.7    | 11.0%            |                                                                                                                                                                                                                                 |
| I.5 | TBA 500kV Tân Uyên và Đấu nối                |                          |                                          |                    |         |         |                  |                                                                                                                                                                                                                                 |
|     | + Đào đúc móng                               | 2019                     | 9,600.0                                  | 8,640.0            | 7,761.3 | 878.7   | 10.2%            | DT bao gồm dự kiến giá trị phát sinh VT35, xử lý đấu nối VT41A & 41B. Giá vốn cao do phát sinh chi phí kho bãi kéo dài hơn 2 năm, bộ cốt thép của VT 35 đã gia công không tận dụng được dẫn đến Lợi nhuận gộp công trình giảm . |
|     | + Lắp dựng cột                               |                          |                                          |                    |         |         |                  |                                                                                                                                                                                                                                 |
|     | + Kéo rải căng dây                           |                          |                                          |                    |         |         |                  |                                                                                                                                                                                                                                 |
| I.6 | Đường dây 110kV Ninh Hòa - Nha Trang         |                          |                                          |                    |         |         |                  |                                                                                                                                                                                                                                 |
|     | + QT công trình                              |                          | 4,417.4                                  | 82.5               | 104.0   | (22)    | -26.1%           |                                                                                                                                                                                                                                 |
| I.7 | Đường dây 500kV mạch 3 Quảng Trạch - Đốc Sỏi |                          |                                          |                    |         |         |                  |                                                                                                                                                                                                                                 |
|     | + Móng, kê, tiếp địa                         | 2019                     | 6,411.3                                  | 4,135.3            | 3,945.0 | 190.2   | 4.6%             |                                                                                                                                                                                                                                 |
|     | + Cột                                        |                          | 6,114.6                                  | 3,057.3            | 2,709.2 | 348.1   | 11.4%            | dự kiến thực hiện                                                                                                                                                                                                               |

| TT            | Tên công trình                                    | Tiến độ đơn vị thực hiện | Giá trị XL đơn vị thực hiện (trước thuế) | KẾ HOẠCH NĂM 2020  |                 |                |                  | Ghi chú                       |
|---------------|---------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------|--------------------|-----------------|----------------|------------------|-------------------------------|
|               |                                                   |                          |                                          | Doanh thu năm 2020 | Giá Vốn         | Lãi gộp        | Tỷ lệ lãi gộp/DT |                               |
|               | + Dây (77-02 -> 79-01; 79-01 -> 79.1-01)          |                          | 3,052.0                                  | 1,526.0            | 1,281.0         | 245.0          | 16.1%            | đc 50% KL                     |
| <b>I.8</b>    | <b>Đường dây 220kV Hải Dương - Phố nổi</b>        |                          |                                          |                    |                 |                |                  |                               |
|               | + Phần móng                                       |                          | 1,601.9                                  |                    |                 | -              |                  |                               |
| <b>I.9</b>    | <b>ĐZ 110 kV Lương Sơn - Hòa Thắng - Mũi Né</b>   |                          |                                          |                    |                 |                |                  |                               |
|               | + Cung cấp và gia công cốt thép cho Tổng Công ty  |                          | 1,777.3                                  | 1,777.3            | 1,663.3         | 114.0          | 6.4%             |                               |
|               | + Phần thi công đường dây 2 mạch từ VT93A đến 99A |                          | 5,282.7                                  | 5,282.7            | 4,424.6         | 858.1          | 16.2%            |                               |
| <b>I.10</b>   | <b>Công trình mới dự kiến giao trong năm 2020</b> |                          | <b>39,010.0</b>                          | <b>21,728.2</b>    | <b>20,723.3</b> | <b>1,004.9</b> | 4.6%             | ĐZ 220kV Krông Buk- Nha Trang |
| <b>I.10.1</b> | <b>ĐZ 220kV Kro.Buk-Nha Trang</b>                 |                          | <b>39,010.0</b>                          | <b>21,728.2</b>    | <b>20,723.3</b> | <b>1,004.9</b> |                  |                               |
| a             | Do Công ty VNECO 8 thực hiện                      |                          | 13,101.0                                 | 6,848.9            | 5,992.8         | 856.1          | 12.5%            | Dự kiến phần móng             |
| b             | Do các Đơn vị khác thực hiện                      |                          | 25,909.0                                 | 14,879.3           | 14,730.5        | 148.8          | 1.0%             |                               |
| <b>II</b>     | <b>CÔNG TRÌNH ĐƠN VỊ TỰ TÌM KIẾM</b>              |                          | <b>125,868</b>                           | <b>57,137</b>      | <b>51,780</b>   | <b>5,358</b>   | <b>9.4%</b>      |                               |
| <b>II.1</b>   | <b>XDM các lộ ra 22 Thủ Thừa Long An</b>          |                          |                                          |                    |                 |                |                  |                               |

| TT          | Tên công trình                                                    | Tiến độ đơn vị thực hiện | Giá trị XL đơn vị thực hiện (trước thuế) | KẾ HOẠCH NĂM 2020  |         |         |                  | Ghi chú                                                                                                                                 |
|-------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------|--------------------|---------|---------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                                   |                          |                                          | Doanh thu năm 2020 | Giá Vốn | Lãi gộp | Tỷ lệ lãi gộp/DT |                                                                                                                                         |
|             | + QT công trình                                                   | 3/2019                   | 3,830.4                                  | 518.2              | 1,096.0 | (577.8) | -111.5%          | Chi phí sửa sai nhiều, cắt điện khó khăn không chủ động cho công tác thi công, tiến độ kéo dài dẫn đến phát sinh chi phí chung quá lớn. |
| <b>II.2</b> | <b>DZ và 110kV KRB - Buôn Ma Thuột</b>                            |                          |                                          |                    |         |         |                  |                                                                                                                                         |
|             | + QT công trình                                                   | 12/2019                  | 20,468.9                                 | 2,945.3            | 2,739.1 | 206.2   | 7.0%             |                                                                                                                                         |
| <b>II.3</b> | <b>DZ 110kV Bà Rịa - Châu Đức</b>                                 |                          |                                          |                    |         |         |                  |                                                                                                                                         |
|             | + Đào đắp móng                                                    |                          | 6,180.9                                  |                    |         |         |                  | Nguy cơ không ghi nhận được doanh thu do không bố trí được lịch cắt điện                                                                |
|             | + Lắp dựng cột, tháo dỡ cải tạo cột, tháo dỡ thu hồi cột các loại |                          |                                          |                    |         |         |                  |                                                                                                                                         |
|             | + Kéo rải căng dây, căng lại dây                                  |                          |                                          |                    |         |         |                  |                                                                                                                                         |
| <b>II.4</b> | <b>Lắp máy 2 trạm biến áp 220kV Buôn Kuốp</b>                     | 31/8/2019                | 6,090.9                                  | 162.9              | 140.5   | 22.4    | 13.7%            |                                                                                                                                         |
| <b>II.5</b> | <b>ĐZ110kV Hòa Bình 2</b>                                         |                          | 16,184.5                                 | 4,210.8            | 3,789.7 | 421.1   | 10.0%            | Do hiện nay chưa có mặt bằng TBA 110 Hòa Bình 2 do vậy ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu chỉnh tuyến ĐZ này                                  |

| TT    | Tên công trình                                             | Tiến độ đơn vị thực hiện | Giá trị XL đơn vị thực hiện (trước thuế) | KẾ HOẠCH NĂM 2020  |          |         |                  | Ghi chú                                                                         |
|-------|------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------|--------------------|----------|---------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
|       |                                                            |                          |                                          | Doanh thu năm 2020 | Giá Vốn  | Lãi gộp | Tỷ lệ lãi gộp/DT |                                                                                 |
| II.6  | TBA 110kV Định Quán 2 & Đầu nối                            |                          | 16,217.2                                 | 10,341.3           | 9,658.7  | 682.5   | 6.6%             |                                                                                 |
| II.7  | ĐZ 110kV Tân Hương - Long An                               |                          | 13,944.4                                 | 2,091.7            | 1,769.0  | 322.7   | 15.4%            | Nguy cơ không ghi nhận được hết doanh thu do bố trí lịch cắt điện rất khó khăn. |
| II.8  | ĐZ 110kV Phan Thiết 2 - Mũi Né                             |                          | 13,288.2                                 | 11,959.4           | 11,043.0 | 916.4   | 7.7%             |                                                                                 |
| II.9  | NXT tại TBA 220kV Krông Buk và NXT tại TBA 220kV Nha Trang |                          | 2,377.9                                  | 1,188.9            | 1,021.4  | 167.5   | 14.1%            |                                                                                 |
| II.10 | Nâng công suất ĐZ 110kV Sông Cầu 2 - Quy Nhơn              |                          | 23,768.4                                 | 20,203.1           | 17,252.2 | 2,950.9 | 14.6%            |                                                                                 |
| II.11 | Công trình mới trúng thầu trong năm 2020                   |                          |                                          |                    |          |         |                  |                                                                                 |
| I     | Kè móng- TTĐ Đăk Nông (gói 2)                              |                          | 3,398.6                                  | 3,398.6            | 3,160.7  | 237.9   | 7.0%             |                                                                                 |
| 2     | Tiếp địa - TTĐ Đăk Lăk (gói 4)                             |                          | 117.3                                    | 117.3              | 109.1    | 8.2     | 7.0%             |                                                                                 |
| III   | SẢN XUẤT CỘT BTLT                                          |                          | 6,000.0                                  | 6,000.0            | 4,950.0  | 1,050.0 | 17.5%            |                                                                                 |
| IV    | DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN                                         |                          |                                          |                    |          |         |                  |                                                                                 |
| V     | CHO THUÊ KHO BÃI                                           |                          | 175.0                                    | 175.0              | 133.5    | 41.5    | 23.7%            |                                                                                 |
| VI    | DOANH THU TÀI CHÍNH                                        |                          | 80.0                                     | 80.0               |          | 80.0    | 100.0%           |                                                                                 |



**BÁO CÁO  
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019  
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HỢP THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

***Kính thưa: Quý cổ đông!***

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2015 .

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh miền Trung;

Qua công tác kiểm tra hoạt động tại đơn vị, Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông hợp thường niên năm 2020 một số nội dung chính như sau:

**I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Trong năm 2019, Ban kiểm soát tiến hành các hoạt động sau:

- Kiểm tra, rà soát lại Điều lệ, Quy chế, quy trình nội bộ đã ban hành.
- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2019.
- Tham gia đầy đủ các buổi họp thường kỳ của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các Quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Xem xét báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính bán niên và năm của Công ty. Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót về kế toán, báo cáo tài chính.
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

## **II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc:**

### **1. Tình hình tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:**

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã tiến hành các cuộc họp, nội dung các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tập trung giải quyết các vấn đề cụ thể sau:

- Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2018, kế hoạch hoạt động SXKD năm 2019.

- Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán có uy tín, có kinh nghiệm trong việc soát xét báo cáo tài chính, đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định về việc công bố thông tin đối với Công ty niêm yết.

- Ngoài các cuộc họp chính thường xuyên, HĐQT và Ban điều hành còn có các cuộc họp phối hợp rà soát việc thực hiện kế hoạch và có biện pháp điều chỉnh cho phù hợp với tình hình SXKD trong năm, thống nhất chủ trương các vấn đề liên quan đến công tác quản lý tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời lồng ghép phương án đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, dụng cụ thi công và nghiên cứu phương án đầu tư dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng.

Hội đồng Quản trị đã đánh giá, xem xét cho ý kiến, thông qua các phương án, giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh do Ban Giám đốc trình nhằm tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

#### **\* Đánh giá:**

Các cuộc họp của HĐQT được Thư ký Công ty ghi chép biên bản đầy đủ theo các nội dung đã thống nhất thông qua và được thông qua Nghị quyết công bố đầy đủ đúng quy định trên thị trường chứng khoán. Các nội dung HĐQT thông qua được Công ty nghiêm túc triển khai thực hiện.

### **2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

#### **2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty:**

| TT | Chỉ tiêu                 | ĐVT   | Thực hiện 2018 | KH 2019 | Năm 2019  |             |                   |
|----|--------------------------|-------|----------------|---------|-----------|-------------|-------------------|
|    |                          |       |                |         | Thực hiện | % so với KH | % so với năm 2018 |
| 1  | Tổng doanh thu, thu nhập | Tỷ. đ | 61,26          | 96,14   | 65,48     | 68,11       | 106,89            |
| 2  | Lợi nhuận sau thuế TNDN  | Tỷ. đ | (4,07)         | 1,50    | (2,51)    | (167,33)    | 61,67             |

## 2.2. Một số nét chính trong hoạt động của Công ty:

### Doanh thu, chi phí giá vốn và lãi gộp của Công ty năm 2019:

*Đvt: tỷ đồng*

| TT | Nội dung hoạt động                               | Doanh thu    | Chi phí giá vốn | Lãi gộp     | Tỷ lệ lãi gộp năm 2019 | Tỷ lệ lãi gộp năm 2018 |
|----|--------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1  | Hoạt động Xây lắp điện                           | 57,02        | 54,10           | 2,92        | 5,12                   | 4,37                   |
| 2  | Hoạt động sản xuất công nghiệp và hoạt động khác | 8,29         | 6,43            | 1,86        | 22,44                  | 10,44                  |
|    | <b>Cộng</b>                                      | <b>65,31</b> | <b>60,53</b>    | <b>4,78</b> | <b>7,32</b>            | <b>5,05</b>            |

Năm 2019, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện khối lượng thi công xây lắp điện từ năm 2018 chuyển sang với giá trị hơn 44,553 tỷ đồng, tiếp tục ký hợp đồng với Tổng Công ty và đã trúng thầu nhiều công trình với các chủ đầu tư khác.

Trong năm 2019, doanh thu hoạt động xây lắp điện đạt 57,02 tỷ đồng tương đương đạt 65,58% kế hoạch; Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp và hoạt động vận tải, kho bãi đạt 8,29 tỷ đồng tương đương đạt 91,00% kế hoạch.

Đồng thời tỷ lệ lãi gộp của năm 2019 cao hơn năm 2018 là 2,27% đã giảm lỗ so với cùng kỳ năm 2018 là 1.56 tỷ đồng; Tuy nhiên trong năm 2019, do bị ảnh hưởng 1 số gói thầu có đơn giá giao thấp, địa hình phức tạp, chi phí đền bù cao (chủ yếu là cà phê và tiêu), công tác cắt điện phức tạp, di chuyển bộ máy thi công nhiều lần, chi phí nhân công hỗ trợ thi công cao của một số công trình xây lắp điện nên tỷ lệ lãi gộp bình quân cho hoạt động xây lắp năm 2019 chỉ đạt 5,12%.

Vì vậy, Tổng doanh thu năm 2019 tại công ty đạt 68,11% so với kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm 2019 đề ra; lợi nhuận gộp không bù đắp được các chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp nên lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 bị lỗ 2,51 tỷ đồng. Năm 2019, Công ty không hoàn thành kế hoạch doanh thu và kế hoạch Lợi nhuận sau thuế TNDN.

## 3. Tình hình hoạt động tài chính:

### 3.1. Công nợ phải thu, phải trả tại 31/12/2019:

| STT | Chỉ tiêu                  | Năm 2019<br>(triệu đồng) | Năm 2018<br>(triệu đồng) | Chênh lệch<br>tăng / (giảm) |
|-----|---------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| 1   | <b>Các khoản phải thu</b> | <b>22.705</b>            | <b>20.540</b>            | <b>2.165</b>                |
|     | - Phải thu khách hàng     | 12.522                   | 10.616                   | 1.906                       |
|     | - Trả trước người bán     | 990                      | 1.190                    | (200)                       |
|     | - Phải thu khác           | 9.193                    | 8.734                    | 459                         |
| 2   | <b>Các khoản phải trả</b> | <b>25.860</b>            | <b>17.740</b>            | <b>8.120</b>                |

| STT | Chỉ tiêu                   | Năm 2019<br>(triệu đồng) | Năm 2018<br>(triệu đồng) | Chênh lệch<br>tăng / (giảm) |
|-----|----------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------|
|     | <b>(không tính nợ vay)</b> |                          |                          |                             |
|     | - Phải trả người bán       | 7.565                    | 7.122                    | 443                         |
|     | - Người mua trả tiền trước | 7.132                    | 4.215                    | 2.917                       |
|     | - Thuế phải nộp            | 1.346                    | 490                      | 856                         |
|     | - Phải trả người lao động  | 6.768                    | 3.143                    | 3.625                       |
|     | - Chi phí phải trả         | 1.273                    | 48                       | 1.225                       |
|     | - Phải trả, phải nộp khác  | 1.776                    | 2.722                    | (946)                       |

- Năm 2019, Công ty đã đơn đốc thu hồi các khoản nợ phải thu khách hàng còn tồn đọng từ năm 2018 chuyển sang và phát sinh trong kỳ từ hoạt động xây lắp và sản xuất công nghiệp hơn 72,78 tỷ đồng; trong đó thu hồi và bù trừ công nợ từ Công ty mẹ VNECO hơn 16,42 tỷ đồng. Thực hiện nộp ngân sách nhà nước 1,845 tỷ đồng, bù trừ thuế GTGT đầu vào là 4,08 tỷ đồng; trả nợ gốc cho các tổ chức tín dụng và đối tượng khác hơn 42,79 tỷ đồng;

- Đồng thời khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn của các tổ chức tín dụng và các đối tượng khác tại 31/12/2019 là 20,624 tỷ đồng, chiếm 34,56% tổng tài sản và 114,58% vốn điều lệ.

### 3.2 Các hệ số tài chính:

| TT         | Các hệ số tài chính cơ bản          | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2018 | Đánh giá                                                  |
|------------|-------------------------------------|-----|----------|----------|-----------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Hệ số nợ</b>                     |     |          |          |                                                           |
| 1          | Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn          | %   | 77,90    | 72,13    | Quá cao                                                   |
| 2          | Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn        | %   | 22,10    | 27,87    |                                                           |
| 3          | Nợ vay phải trả/Vốn CSH             | lần | 3,53     | 2,59     | Quá cao                                                   |
| <b>II</b>  | <b>Hệ số tự tài trợ</b>             |     |          |          |                                                           |
| 1          | Nguồn vốn dài hạn/TS dài hạn        | lần | 1,97     | 2,15     | Mất cân đối                                               |
| 2          | Nguồn vốn ngắn hạn/TS ngắn hạn      | lần | 0,81     | 0,77     | Mất cân đối                                               |
| <b>III</b> | <b>Hệ số khả năng thanh toán</b>    |     |          |          |                                                           |
| 1          | Hệ số khả năng thanh toán tổng quát | lần | 1,28     | 1,39     | Bình thường, đủ khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả |
| 2          | Hệ số khả năng thanh toán nhanh     | lần | 0,64     | 0,63     | Thấp                                                      |
| 3          | Hệ số khả năng thanh toán           | lần | 1,09     | 1,17     | Bình thường, đủ khả                                       |

| TT        | Các hệ số tài chính cơ bản        | ĐVT | Năm<br>2019 | Năm<br>2018 | Đánh giá                                           |
|-----------|-----------------------------------|-----|-------------|-------------|----------------------------------------------------|
|           | ngắn hạn                          |     |             |             | <i>năng trả nợ ngắn hạn</i>                        |
| 4         | Hệ số khả năng thanh toán lãi vay | lần | (0,20)      | (1,09)      | <i>áp lực khả năng trang trải lãi vay phải trả</i> |
| <b>IV</b> | <b>Hệ số khả năng sinh lời</b>    |     |             |             |                                                    |
| 1         | Hệ số LNST/Tổng TS (ROA)          | %   | (4,22)      | (7,24)      | <i>Không hiệu quả</i>                              |
| 2         | Hệ số LNST/DT (ROS)               | %   | (3,85)      | (6,69)      | <i>Không hiệu quả</i>                              |
| 3         | Hệ số LNST/Vốn CSH (ROE)          | %   | (19,08)     | (25,97)     | <i>Không hiệu quả</i>                              |
| 4         | Hệ số LNST/Vốn ĐL                 | %   | (13,98)     | (22,66)     | <i>Không hiệu quả</i>                              |

Tại ngày 31/12/2019, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 3,53 lần, vượt mức quy định bình thường, công ty sẽ gặp nhiều khó khăn khi phải thanh toán các khoản phải trả đến hạn, đặc biệt là lãi tiền vay. Hệ số Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn chỉ đạt 22,10%, trong khi đó Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn là 77,90%, điều này cho thấy hoạt động của công ty ngoài vốn điều lệ, công ty còn huy động thêm nguồn vốn vay.

Khả năng thanh toán nhanh thấp, rất hạn chế, chỉ đạt 0,64 lần, trong khi nợ ngắn hạn tại 31/12/2019 là 46,07 tỷ đồng, điều này dẫn đến khả năng công ty rất khó khăn trong việc cân đối dòng tiền để trả nợ.

Tài sản của công ty được hình thành từ vốn vay và vốn chủ sở hữu. Cả hai nguồn vốn này được sử dụng để phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Hiệu quả của việc chuyển vốn đầu tư thành lợi nhuận được thể hiện qua các chỉ tiêu về ROA, ROS và ROE, các chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả của công ty trong việc quản lý, sử dụng tài sản và vốn của của cổ đông để tạo ra lợi nhuận. Các chỉ số ROA, ROS và ROE đều bị âm ghi nhận hiệu quả kinh doanh của đơn vị đang bị thua lỗ.

#### **4. Các hoạt động khác:**

##### **4.1. Công tác quản lý chi phí và công nợ:**

Công ty thực hiện công tác cập nhật và quản lý chi phí thực tế phát sinh trên các công trình được kịp thời; do đó phản ánh chính xác tình hình hoạt động thi công của Công ty.

Số tiền phải thu khách hàng ngắn hạn trong năm 2019 hơn 73,3 tỷ đồng, với tỷ lệ thu nợ đạt 88,03%. Số dư nợ phải thu tại 31/12/2019 là 12,52 tỷ đồng, tăng 1,90 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018, chiếm 21,61% tổng tài sản, 71,63% vốn điều lệ và 19,74% tổng doanh thu.

Các khoản phải thu khác tại 31/12/2019 là 9,19 tỷ đồng, tăng 0,45 tỷ đồng tương đương tăng 5,26% so với cùng kỳ năm 2018, chiếm 15,41% tổng tài sản và chiếm 51,07% vốn điều lệ.

Hàng tồn kho tại 31/12/2019 là 20,696 tỷ đồng (chi phí tồn kho nguyên vật liệu là 6,92 tỷ đồng chiếm 33,45% tổng số hàng tồn kho; chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình chưa nghiệm thu là 10,05 tỷ đồng chiếm 48,59% tổng số hàng tồn kho; chi phí thành phẩm tồn kho là 3,716 tỷ đồng chiếm 17,96% tổng số hàng tồn kho) giảm 3,84% tương đương giảm 0,86 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018, chiếm 34,68% tổng tài sản và 114,98% vốn điều lệ.

Đơn vị tích cực đẩy nhanh tiến độ, nghiệm thu khối lượng lên phiếu giá thanh toán kịp thời các công trình dở dang để giảm giá trị hàng tồn kho, thường xuyên đối chiếu giữa các bộ phận và phòng tài chính kế toán cần quản lý tốt các chi phí dở dang để phản ánh đúng giá thành các công trình dở dang đang thực hiện.

#### ***4.2. Công tác đầu tư, thanh lý tài sản:***

Thực hiện nghị quyết HĐQT số 03/2018/NQ-HĐQT ngày 20/8/2018 và số 03/2019/NQ-HĐQT ngày 28/9/2019, đơn vị đã thực hiện đầu tư mua sắm mới 1 xe ô tô cầu với số tiền 0,975 tỷ đồng phục vụ công tác vận chuyển, thi công lắp dựng cột và làm công tác kho bãi và 1 xe ô tô 7 người ngồi Toyota Fortuner với số tiền là 1,049 tỷ đồng phục vụ công tác đi lại làm việc với các đối tác và tìm kiếm việc làm.

Trong năm 2019, đơn vị đã thực hiện thanh lý xe ô tô Isuzu thời gian sử dụng đã lâu, hư hỏng nhiều và tiêu tốn nhiên liệu (năm sản xuất 2004; nguyên giá: 640 triệu đồng; giá trị hao mòn lũy kế: 640 triệu đồng) với giá trị thanh lý là 95 triệu đồng.

Đồng thời đơn vị đã đầu tư mua mới khuôn trụ tiền áp 4m góc với số tiền là 57,5 triệu đồng.

#### ***4.3. Công tác tổ chức nhân sự:***

Trong năm Công ty đã duy trì cách thức đánh giá mức độ hoàn thành công việc của CBCNV hàng tháng, góp phần nâng cao hiệu suất lao động, quản lý lao động hiệu quả.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp chưa kịp thời. Tuy nhiên vẫn đảm bảo quyền lợi cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động và thanh toán các chế độ lao động liên quan. Đẩy mạnh văn hóa doanh nghiệp nhằm tạo động lực và môi trường làm việc tốt cho CBCNV.

#### ***4.4. Kiểm toán báo cáo tài chính:***

Thực hiện ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, đơn vị đã đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh miền

Trung (RSM), là đơn vị kiểm toán độc lập có đủ tư cách pháp lý kiểm toán đối với các công ty có chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty. Công ty kiểm toán RSM đã hoàn thành và ban hành báo cáo tài chính theo đúng quy định, công nhận các số liệu tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2019. Ý kiến kiểm toán viên là “BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của VNECO 8 tại ngày 31/12/2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC”.

#### ***4.5. Thực hiện công bố thông tin thị trường:***

Đơn vị đã tuân thủ các quy định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết, thực hiện đầy đủ các nội dung công bố thông tin định kỳ, bất thường theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính và quy định của Sở GDCK TP Hà Nội. Website của công ty với địa chỉ <http://www.vneco8.com.vn> được thiết kế với mục “Quan hệ Cổ đông” có thể truy cập dễ dàng. Công ty thực hiện việc công bố thông tin các nội dung như nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ, họp HĐQT, BCTC, các hoạt động SXKD của Công ty... và các thông tin khác đầy đủ kịp thời.

#### ***4.6. Công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại:***

Năm 2019, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư khiếu nại nào liên quan đến công tác quản lý, điều hành của Công ty, đến quyền lợi của cổ đông và người lao động, kể cả đơn thư đề nghị, kiến nghị thay đổi phương pháp quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cũng như hoạt động của Ban kiểm soát từ phía cổ đông và người lao động.

### **III- Kiến nghị của Ban Kiểm soát:**

Qua công tác kiểm soát thường kỳ năm 2019, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2020, Ban kiểm soát kiến nghị như sau:

1. Ban điều hành và các bộ phận chuyên môn tiếp tục theo dõi các khoản công nợ phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu ngắn hạn khác thường xuyên, cụ thể:

- Đối với các khoản tạm ứng phục vụ công tác: Cần cập nhật thường xuyên, liên tục, tạm ứng đợt sau phải hoàn dứt điểm khoản nợ ứng trước; tránh để tình trạng nợ đọng dẫn đến việc phản ánh chi phí giá thành công trình tại từng thời điểm không được chính xác. Đây là khoản tiềm ẩn rủi ro rất lớn cho đơn vị.

- Chỉ đạo sát sao việc đối chiếu công nợ với khách hàng nhằm xác định tính hiện hữu của công nợ và có phương án thu hồi công nợ hợp lý, kịp thời và định kỳ có báo cáo Hội đồng quản trị về tiến độ thu hồi.

2. Thực hiện tiết kiệm chi phí để hoạt động kinh doanh có hiệu quả:

- Tăng cường công tác quản lý, đặc biệt rà soát cụ thể các định mức chi phí năm 2019 để có kế hoạch, biện pháp điều chỉnh nhằm tăng hiệu quả trong công tác kinh doanh năm 2020.

- Đơn vị cần phải rà soát thường xuyên các khoản dư nợ, cơ cấu lại nguồn lực tài chính, giải quyết và thu hồi các khoản công nợ kéo dài và giảm nợ vay, giảm chi phí tài chính nhằm giảm rủi ro cho đơn vị và tăng hiệu quả cho doanh nghiệp. Đơn vị có lượng tồn kho và giá trị phải thu lớn, số dư tổ chức tín dụng và các đối tượng khác cao dẫn đến chi phí tài chính và chi phí khác tăng cao. Đây là khoản tiềm ẩn rủi ro rất lớn cho đơn vị nếu đơn vị làm ăn không có hiệu quả.

3. Công tác hàng tồn kho:

- Đối với hàng tồn kho phục vụ sản xuất công nghiệp: Đề nghị đơn vị thực hiện kiểm kê hàng tồn kho thường xuyên nhằm phân loại hàng tồn kho ứ đọng lâu ngày, kém phẩm chất để có giải pháp xử lý cụ thể tránh trường hợp ứ đọng vốn, hàng tồn kho chậm luân chuyển. Đơn vị phải xác định được định mức dự trữ tối thiểu, tối đa cho từng loại hàng tồn kho, cung ứng kịp thời cho sản xuất, tiêu thụ với chi phí tồn trữ thấp nhất. Khi hàng tồn kho vượt quá định mức tối đa, tối thiểu thì phải có cảnh báo kịp thời để điều chỉnh cho hợp lý không bị ngưng đọng hàng hóa trong kho.

- Đối với hàng tồn kho là chi phí dở dang các công trình: Đề nghị đơn vị kiểm tra rà soát, kết chuyển kịp thời, tránh để lãi thời kỳ này nhưng lại bị lỗ vào thời kỳ sau. Vì vậy công tác xây dựng bảng hiệu quả giá thành công trình ngay từ khởi công công trình đối với đơn vị là yếu tố quan trọng.

4. Công tác ghi nhận doanh thu và chi phí:

- Định kỳ báo cáo đơn vị phải hạch toán ghi nhận doanh thu kịp thời, đầy đủ, đồng thời kết chuyển chi phí thực tế phát sinh (bao gồm việc trích trước chi phí) bảo đảm khi xác định kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán phải đảm bảo có cơ sở và phải dựa trên nguyên tắc thận trọng (doanh thu phù hợp với chi phí), bảo đảm xác định lãi/lỗ trong kỳ kế toán được đầy đủ, chính xác, tránh trường hợp không kiểm soát hết chi phí đã, đang và sẽ phát sinh dẫn đến lãi ảo trước mắt nhưng lỗ thật về cuối đời công trình.

- Công tác phân bổ chi phí: Đề nghị đơn vị phân bổ chi phí quản lý một cách hợp lý, chi phí phát sinh cho công trình nào thì phân bổ cho công trình đó, còn những khoản chi phí chung khác thì phân bổ theo tỷ trọng doanh thu cho phù hợp. Tránh trường hợp những công trình phát sinh chi phí ít lại phân bổ chi phí quản lý nhiều và ngược lại.

#### 5. Công tác hạch toán giá thành:

Khi đơn vị nhận thầu, phải lượng hóa tất cả chi phí phát sinh và tính toán đến hiệu quả thi công công trình. Đơn vị cần lập phương án giao khoán, tính toán các chi phí và dự kiến các chi phí phát sinh trong tương lai, đây là cơ sở để phòng kế toán theo dõi, hạch toán giá thành phù hợp cho từng thời kỳ.

Bảng giao khoán phải được phòng kỹ thuật, phòng kế hoạch sau khi khảo sát thực tế thi công, lập phương án tổ chức thi công, lập dự toán giao khoán để có cơ sở trình Giám đốc đơn vị phê duyệt. Phòng kế toán căn cứ vào tỷ lệ lãi gộp để trích và phản ánh đúng tỷ lệ vào giá thành từng thời kỳ.

Đề nghị đơn vị tập trung quản lý các khoản chi phí, quản trị tốt các khoản công nợ, cân đối nguồn lực để chi trả cho khách hàng, tổ chức tín dụng tránh khả năng mất cân đối trong thanh toán.

#### IV- Kế hoạch hoạt động năm 2020:

Năm 2020, Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện nhiệm vụ việc thay mặt cổ đông thường xuyên nắm bắt, kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị để nắm bắt, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty một cách chính xác và đưa ra các cảnh báo các vấn đề rủi ro tiềm ẩn (nếu có) và có trách nhiệm báo cáo trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông.

Trong công tác của mình, Ban kiểm soát rất mong nhận được sự hỗ trợ của Quý cổ đông cũng như Hội đồng Quản trị, sự hợp tác và phối hợp của Ban Giám đốc và các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ trong Công ty.

Trên đây là nội dung công tác kiểm tra, kiểm soát các mặt hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

#### Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: BKS, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TRƯỞNG BAN**



**Võ Quang**

## BÁO CÁO

Các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh năm 2019

### **Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP xây dựng điện VNECO 8**

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 và tình hình tài chính của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 tại thời điểm 31/12/2019, số liệu đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung ban hành ngày **16/03/2020**.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty năm 2019, cụ thể:

#### **I. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31/12/2019**

##### **1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019:**

|             | <b>I- CÁC CHỈ TIÊU VỀ TÀI SẢN</b>               | <b>31/12/2019<br/>VND</b> | <b>31/12/2018<br/>VND</b> |
|-------------|-------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>A.</b>   | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>50.044.837.004</b>     | <b>46.945.796.694</b>     |
| <b>I.</b>   | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>       | <b>5.425.885.215</b>      | <b>3.669.073.012</b>      |
| 1.          | Tiền                                            | 5.425.885.215             | 3.669.073.012             |
| 2.          | Các khoản tương đương tiền                      |                           |                           |
| <b>II.</b>  | <b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>      | <b>1,200,000,000</b>      | <b>1,200,000,000</b>      |
| 1.          | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                 | 1,200,000,000             | 1,200,000,000             |
| 2.          | Dự phòng giảm giá C. khoản đầu tư ngắn hạn (*)  |                           |                           |
| <b>III.</b> | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>              | <b>22.704.814.631</b>     | <b>20.540.491.546</b>     |
| 1.          | Phải thu ngắn hạn của khách hàng                | 12.522.103.685            | 10.615.797.633            |
| 2.          | Trả trước cho người bán ngắn hạn                | 989.600.613               | 1.189.891.787             |
| 3.          | Phải thu nội bộ ngắn hạn                        |                           |                           |
| 4.          | Phải thu theo tiến độ kế hoạch h. đồng xây dựng |                           |                           |
| 5.          | Phải thu ngắn hạn khác                          | 9.193.110.333             | 8.734.802.126             |
| 6.          | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi              |                           |                           |
| 7.          | Tài sản thiếu chờ xử lý                         |                           |                           |
| <b>IV.</b>  | <b>Hàng tồn kho</b>                             | <b>20.696.561.753</b>     | <b>21.523.610.451</b>     |
| 1.          | Hàng tồn kho                                    | 20.696.561.753            | 21.523.610.451            |
| 2.          | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                  |                           |                           |
| 2.          | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ             |                           |                           |

|                          |                                              |                           |                           |
|--------------------------|----------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| 3.                       | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước     |                           |                           |
| <b>V.</b>                | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                 | <b>17.485.405</b>         | <b>12.621.685</b>         |
| <b>B.</b>                | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>9.628.975.070</b>      | <b>9.377.806.572</b>      |
| <b>I.</b>                | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>0</b>                  | <b>0</b>                  |
| 1.                       | Phải thu dài hạn của khách hàng              | 372,167,609               | 372,167,609               |
| 2.                       | Trả trước cho người bán dài hạn              |                           |                           |
| 4.                       | Phải thu nội bộ dài hạn                      |                           |                           |
| 5.                       | Phải thu về cho vay dài hạn                  |                           |                           |
| 6.                       | Phải thu dài hạn khác                        |                           |                           |
| 6.                       | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)        | (372,167,609)             | (372,167,609)             |
| <b>II.</b>               | <b>Tài sản cố định</b>                       | <b>8.895.514.344</b>      | <b>8.271.877.401</b>      |
| 1.                       | Tài sản cố định hữu hình                     | 7.626.787.344             | 6.999.400.401             |
|                          | <i>Nguyên giá</i>                            | 22.409.744.548            | 22.159.034.919            |
|                          | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                | -15.782.957.204           | (15.159.634.518)          |
| 2.                       | Tài sản cố định thuê tài chính               |                           |                           |
| 3.                       | Tài sản cố định vô hình                      | 1.268.727.000             | 1.272.477.000             |
|                          | <i>Nguyên giá</i>                            | 1.287.477.000             | 1.287.477.000             |
|                          | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                | (18.750.000)              | (15.000.000)              |
| <b>III.</b>              | <b>Bất động sản đầu tư</b>                   |                           |                           |
|                          | <i>Nguyên giá</i>                            |                           |                           |
|                          | <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>            |                           |                           |
| <b>IV.</b>               | <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>               | <b>82.045.872</b>         | <b>82.045.872</b>         |
| 1.                       | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn |                           |                           |
| 2.                       | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 82.045.872                | 82.045.872                |
| <b>V.</b>                | <b>Tài sản dài hạn khác</b>                  | <b>651.414.854</b>        | <b>1.023.883.299</b>      |
| 1.                       | Chi phí trả trước dài hạn                    | 651.414.854               | 1.023.883.299             |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> |                                              | <b>59.673.812.074</b>     | <b>56.323.603.266</b>     |
|                          | <b>II- CÁC CHỈ TIÊU VỀ NGUỒN VỐN</b>         | <b>31/12/2019<br/>VND</b> | <b>31/12/2018<br/>VND</b> |
| <b>C.</b>                | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                           | <b>46.486.612.012</b>     | <b>40.618.362.943</b>     |
| <b>I.</b>                | <b>Nợ ngắn hạn</b>                           | <b>46.070.612.012</b>     | <b>40.591.118.943</b>     |
| 1.                       | Phải trả người bán ngắn hạn                  | 7.565.686.362             | 7.122.419.772             |
| 2.                       | Người mua trả tiền trước ngắn hạn            | 7.132.108.014             | 4.214.965.304             |
| 3.                       | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước          | 1.346.106.016             | 490.320.910               |
| 4.                       | Phải trả người lao động                      | 6.768.331.326             | 3.143.731.882             |
| 5.                       | Chi phí phải trả ngắn hạn                    | 1.272.654.863             | 48.473.172                |
| 9.                       | Phải trả ngắn hạn khác                       | 1.776.140.885             | 2.722.631.844             |

|            |                                                |                       |                       |
|------------|------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 10.        | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn              | 20.208.286.332        | 22.847.277.845        |
| 11         | Dự phòng phải trả ngắn hạn                     |                       |                       |
| 12.        | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                      | 1.298.214             | 1.298.214             |
| <b>II.</b> | <b>Nợ dài hạn</b>                              | <b>416.000.000</b>    | <b>27.244.000</b>     |
| 1          | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn               | 416.000.000           | 27.244.000            |
| <b>D.</b>  | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                          | <b>13.187.200.062</b> | <b>15.705.240.323</b> |
| I.         | Vốn chủ sở hữu                                 | 13.187.200.062        | 15.705.240.323        |
| 1.         | Vốn góp của chủ sở hữu                         | 18,000,000,000        | 18,000,000,000        |
|            | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 18,000,000,000        | 18,000,000,000        |
| 8.         | Quỹ đầu tư phát triển                          | 509,956,126           | 509,956,126           |
| 11.        | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối              | -5.322.756.064        | -2.804.715.803        |
|            | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | -2.804.715.803        | 1,274,119,339         |
|            | - LNST chưa phân phối kỳ này                   | -2.518.040.261        | -4.078.835.142        |
|            | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>59.673.812.074</b> | <b>56.323.603.266</b> |

## 2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019:

|     | <b>III- CÁC CHỈ TIÊU VỀ SXKD</b>                  | <b>Năm 2019</b>       | <b>Năm 2018</b>       |
|-----|---------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1.  | <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>     | <b>65.312.875.391</b> | <b>61.000.787.718</b> |
| 2.  | Các khoản giảm trừ doanh thu                      |                       |                       |
|     | Chiết khấu thương mại                             |                       |                       |
| 3.  | <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV</b> | <b>65.312.875.391</b> | <b>61.000.787.718</b> |
| 4.  | Giá vốn hàng bán                                  | 60.536.828.351        | 57.919.582.821        |
| 5.  | <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b>   | <b>4.776.047.040</b>  | <b>3.081.204.897</b>  |
| 6.  | Doanh thu hoạt động tài chính                     | 84.174.754            | 82.778.657            |
| 7.  | Chi phí hoạt động tài chính                       | 2.057.911.264         | 1.954.626.399         |
|     | - Trong đó: Chi phí lãi vay                       | 2.057.911.264         | 1.954.626.399         |
| 8.  | Chi phí bán hàng                                  | 413.367.877           | 234.176.111           |
| 9.  | Chi phí quản lý doanh nghiệp                      | 4.856.885.355         | 5.182.175.385         |
| 10. | <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>    | <b>-2.467.942.702</b> | <b>-4.206.994.341</b> |
| 11. | Thu nhập khác                                     | 86.363.636            | 175.405.273           |
| 12. | Chi phí khác                                      | 94.569.354            | 47.246.074            |
| 13. | Lợi nhuận khác                                    | -8.205.718            | 128.159.199           |
| 14. | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>          | <b>-2.476.148.420</b> | <b>-4.078.835.142</b> |
| 15. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành      | 41.891.841            |                       |
| 16. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại       |                       |                       |
| 17. | <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   | <b>-2.518.040.261</b> | <b>-4.078.835.142</b> |

|     |                          |        |        |
|-----|--------------------------|--------|--------|
| 18. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | -1.399 | -2.266 |
|-----|--------------------------|--------|--------|

### 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019:

| CÁC CHỈ TIÊU                                         | Năm 2019              | Năm 2018               |
|------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>I.LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>        |                       |                        |
| 1.Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác       | 66.231.590.534        | 79.656.347.697         |
| 2.Tiền chi trả cho người cung cấp HHDV               | -46.111.449.924       | (73.535.086.288)       |
| 3.Tiền chi trả cho người lao động                    | -13.769.134.489       | (9.499.128.782)        |
| 4.Tiền trả lãi vay                                   | -2.052.943.981        | (1.942.189.413)        |
| 5.Tiền trả thuế Thu nhập doanh nghiệp                |                       | -349.695.562           |
| 6.Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh              | 7.045.582.561         | 16.789.652.888         |
| 7.Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh             | -6.540.468.318        | (15.676.826.021)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b> | <b>4.803.176.383</b>  | <b>(4.556.925.481)</b> |
| <b>II.LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>           |                       |                        |
| 1.Tiền chi để mua sắm XDTSCĐ và các TS khác          | -967.580.636          | (415.639.091)          |
| 2.Tiền chi cho vay, mua CC nợ của đơn vị khác        |                       |                        |
| 3. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ             | 80.000.000            | 116.667.273            |
| 4.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia       | 91.451.969            | 82.778.657             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>     | <b>-796.128.667</b>   | <b>(216.193.161)</b>   |
| <b>III.LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>       |                       |                        |
| 1.Tiền thu từ đi vay                                 | 40.549.000.000        | 40.464.543.282         |
| 2.Tiền chi nợ gốc vay                                | -42.799.235.513       | (34.947.265.437)       |
| 3.Cổ tức, lợi nhuận trả cho Chủ sở hữu               |                       |                        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>-2.250.235.513</b> | <b>5.517.277.845</b>   |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>               | <b>1.756.812.203</b>  | <b>744.159.203</b>     |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                     | 3.669.073.012         | 2.924.913.809          |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ       |                       |                        |
| <b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>             | <b>5.425.885.215</b>  | <b>3.669.073.012</b>   |

### 4. Các hệ số tài chính năm 2019:

| III- CÁC CHỈ TIÊU VỀ HỆ SỐ TÀI CHÍNH           | Năm 2019 | Năm 2018 |
|------------------------------------------------|----------|----------|
| <b>A- CÁC HỆ SỐ CƠ CẤU TÀI SẢN - NGUỒN VỐN</b> |          |          |
| <b>I- CƠ CẤU TÀI SẢN</b>                       |          |          |
| Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản (%)         | 83.86    | 83.35    |
| Tài sản dài hạn / Tổng số tài sản (%)          | 16.14    | 16.65    |
| <b>II- CƠ CẤU NGUỒN VỐN</b>                    |          |          |
| Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)                 | 77.90    | 72.12    |

|  |                                                    |         |         |
|--|----------------------------------------------------|---------|---------|
|  | Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn (%)                   | 22.10   | 27.88   |
|  | <b>III- KHẢ NĂNG THANH TOÁN</b>                    |         |         |
|  | Hệ số khả năng thanh toán hiện hành TSNH/NNH (lần) | 1.09    | 1.16    |
|  | Hệ số khả năng thanh toán nhanh TSNH-HTK/NNH (lần) | 0.64    | 0.63    |
|  | <b>IV- TỶ SUẤT LỢI NHUẬN</b>                       |         |         |
|  | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (%)      | (4.22)  | (7.24)  |
|  | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu (%)         | (3.86)  | (6.69)  |
|  | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH (%)     | (19.09) | (25.97) |

## II. Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán cùng đơn vị kiểm toán năm 2019. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Báo cáo kiểm toán số 28/BCKT/2020-RSMMT ngày 16 tháng 03 năm 2020.

Trên đây là Báo cáo tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 năm 2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Khôi**

**TỜ TRÌNH**

**Đề xuất chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 và kiểm toán báo cáo tài chính 2020**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP xây dựng điện VNECO 8**

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BTC ngày 13/11/2019 của Bộ tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2020.

Căn cứ vào danh sách các công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán độc lập có tên sau đây để thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020, cụ thể :

1. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam (RSM).
2. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng;
3. Công ty TNHH PKF Việt Nam (PKF);

Các đơn vị kiểm toán nêu trên có đầy đủ năng lực, uy tín và kinh nghiệm, có cấp phép hoạt động hành nghề hợp pháp và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty đại chúng niêm yết.

Trên đây là phương án đề xuất chọn đơn vị kiểm toán độc lập để soát xét thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định!

**TM.BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**VÕ QUANG**

## **TỜ TRÌNH**

"Xin ý kiến ĐHĐCĐ về Thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký Công ty"

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty CP xây dựng điện VNECO 8

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2019 và dự kiến mức trả thù lao năm 2020 như sau :

A- Tình hình chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký năm 2019 :

- |                          |                         |
|--------------------------|-------------------------|
| 1- Chủ tịch HĐQT:        | 5.000.000 đ/người/tháng |
| 2- Phó Chủ tịch HĐQT:    | 4.000.000 đ/người/tháng |
| 3- Thành viên HĐQT:      | 3.500.000 đ/người/tháng |
| 4- Trưởng ban kiểm soát: | 3.000.000 đ/người/tháng |
| 5- Thành viên BKS:       | 2.000.000 đ/người/tháng |
| 6- Thư ký Công ty:       | 2.000.000 đ/người/tháng |

Tổng số thù lao đã chi trả trong năm là : 258.000.000 đồng

B- Dự kiến chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020: Căn cứ tình hình kinh doanh năm 2020. Hội đồng quản trị trình phương án chi trả thù lao như sau:

- |                          |                         |
|--------------------------|-------------------------|
| 1- Chủ tịch HĐQT:        | 5.000.000 đ/người/tháng |
| 2- Phó Chủ tịch HĐQT:    | 4.000.000 đ/người/tháng |
| 3- Thành viên HĐQT:      | 3.500.000 đ/người/tháng |
| 4- Trưởng ban kiểm soát: | 3.000.000 đ/người/tháng |
| 5- Thành viên BKS:       | 2.000.000 đ/người/tháng |
| 6- Thư ký Công ty:       | 2.000.000 đ/người/tháng |

Dự kiến tổng số thù lao chi trả trong năm 2020 là 258.000.000 đồng.

Thời gian thực hiện từ tháng 5/2020 đến khi Đại hội cổ đông có quyết định khác.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và phê duyệt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Khôi**